

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2024.

Số: 796/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 775/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

1-Anh Trần Văn T, sinh ngày 18/09/1989; Chứng minh nhân dân số 03408900xxxx, do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/08/2015; Đăng ký HKTT và nơi ở: xã V, huyện V, tỉnh T.

2-Chị Trần Thị T, sinh năm 05/8/1990; Căn cước công dân số 04219000xxxx, do Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/3/2016; Đăng ký HKTT: Xã V, huyện V, tỉnh T; Nơi làm việc: Công ty TNHH XNK May mặc A - Số A phố L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2014 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Trần Thị T và anh Trần Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 05/11/2024 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận

[3]. Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T có 01 con chung là cháu Trần Hiền Huyền L, sinh ngày 30/04/2014. Ly hôn, anh T và chị T thỏa thuận, chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Hiền Huyền L. Anh T tự nguyện

đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng (Năm triệu)/ 01tháng, kể từ tháng 11/2024 đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi.

[4]. Về tài sản và nhà ở chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T xác nhận không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T.

- Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T có 01 con chung cháu Trần Hiền Huyền L, sinh ngày 30/04/2014. Giao cháu Trần Hiền Huyền L cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng (Năm triệu) /01tháng, kể từ tháng 11/2024 đến khi con chung Trần Hiền Huyền L trưởng thành tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi của pháp luật.

Anh Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản và nhà ở chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị T không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí LHST, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0030xxx ngày 01/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán

Vũ Thị Nguyệt